

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HS-ST
Ngày: 06-02-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân;
2. Bà Bùi Thị Thúy Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thắng Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 395/2017/TLST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1991 tại tỉnh H; thường trú: Thôn C, xã S, huyện Đ, tỉnh H; tạm trú: 72/8 đường số 4, phường T, quận Đ, Thành phố H; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần V (đã chết) và bà Trần Thị Châu L, sinh năm 1973; có chồng tên Lê Phú Hà Thiên V, sinh năm 1986, có một con sinh năm 2010; có 03 chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 12/9/2017 cho đến nay, có mặt.

2. Trần Ngọc T, sinh năm 1984 tại tỉnh B; thường trú: 60/9 khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình D; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn T, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1949; có vợ tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1983, có một người con sinh năm 2013; có 07 chị em ruột, lớn nhất không rõ năm sinh, nhỏ nhất sinh năm 1982; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 12/9/2017 cho đến nay, có mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Duy K, sinh năm 1997; thường trú: 28/3 khu phố 3, phường L, quận T, Thành phố H, vắng mặt.

2. Chị Trần Thị Kim C, sinh năm 1989; thường trú: Ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Đ, vắng mặt.

3. Anh Hồ Quốc K, sinh năm 1990; thường trú: Số 30 đường số 13, khu phố 2, phường L, quận T, Thành phố H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Thị Ngọc D và Trần Ngọc T là những đối tượng sử dụng ma túy đá. Để có ma túy sử dụng, ngày 08/9/2017 D nhờ người đàn ông tên H (không rõ nhân thân, lai lịch) mua 17 gói nylon ma túy đá với giá 17.000.000 đồng về cất giấu sử dụng dần. Ngày 12/9/2017 T mua của người đàn ông tên L (không rõ nhân thân, lai lịch) tại khu vực đường T, quận B, Thành phố H 08 gói nylon ma túy đá với giá 700.000 đồng để sử dụng. Khoảng 19 giờ ngày 12/9/2017 Trần Thị Ngọc D gọi điện thoại cho Trần Ngọc T đến quán Karaoke N.T thuộc phường Đ, thị xã D, tỉnh B để chơi. Khoảng 20 giờ 20 phút cùng ngày khi T và D ra khỏi quán Karaoke N.T thì bị lực lượng công an kiểm tra phát hiện trong túi xách của Trần Thị Ngọc D 17 gói nylon chứa tinh thể màu trắng, phát hiện trong túi áo của Trần Ngọc T 08 gói nylon chứa tinh thể màu trắng.

Căn cứ kết luận giám định số 415/MT-PC54 ngày 18/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Chất bột trong 17 gói nylon hàn kín, được niêm phong có chữ ký của Trần Thị Ngọc D là ma túy, trọng lượng: 22.8407 gam, loại ma túy Methamphetamine.

Căn cứ kết luận giám định số 416/MT-PC54 ngày 18/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Chất bột trong 08 gói nylon hàn kín, được niêm phong có chữ ký của Trần Ngọc T là ma túy, trọng lượng: 1.1873 gam, loại ma túy Methamphetamine.

Tại cáo trạng số: 15/QĐ - KSĐT ngày 25 tháng 12 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh B truy tố bị cáo Trần Thị Ngọc D về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm m khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự và Trần Ngọc T về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 để xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc D từ 05 năm đến 06 năm tù. Áp dụng khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo Trần Ngọc T từ 01 đến 02 năm tù và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Thị Ngọc D và Trần Ngọc T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trong bản cáo trạng đã nêu và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; những người làm chứng cũng không khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Bị cáo Trần Thị Ngọc D và Trần Ngọc T đều là đối tượng nghiện ma túy. Khoảng 20 giờ 20 phút ngày 12/9/2017 trước cổng quán Karaoke N.T thuộc phường Đ, thị xã D, tỉnh B, lực lượng Công an kiểm tra trong túi xách của Trần Thị Ngọc D phát hiện và thu giữ 17 gói nylon chứa tinh thể màu trắng, có nguồn gốc D nhờ người đàn ông tên H (không rõ nhân thân, lai lịch mua với giá 17.000.000 đồng); trong túi áo của Trần Ngọc T phát hiện và thu giữ 08 gói nylon chứa tinh thể màu trắng, có nguồn gốc T mua của người đàn ông tên L (không rõ nhân thân, lai lịch) với giá 700.000 đồng.

Theo kết luận giám định số 415/MT-PC54 ngày 18/9/2017 và kết luận giám định số 416/MT-PC54 ngày 18/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận: Chất bột trong 17 gói nylon hàn kín, được niêm phong có chữ ký của Trần Thị Ngọc D là ma túy, trọng lượng: 22.8407 gam, loại ma túy Methamphetamine. Chất bột trong 08 gói nylon hàn kín, được niêm phong có chữ ký của Trần Ngọc T là ma túy, trọng lượng: 1.1873 gam, loại ma túy Methamphetamine.

Như vậy, hành vi của bị cáo Trần Thị Ngọc D và Trần Ngọc T đã đủ yếu tố cấu thành Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo Trần Thị Ngọc D tàng trữ 22.8407 gam ma túy có thành phần Methamphetamine, là tình tiết định khung quy định tại điểm g khoản 2; bị cáo Trần Ngọc T tàng trữ 1.1873 gam ma túy có thành phần Methamphetamine, là tình tiết định khung quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015 theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung. Do đó Cáo trạng số 15/QĐ - KSĐT ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã D và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với các bị cáo Trần Thị Ngọc D và Trần Ngọc T là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo Trần Thị Ngọc D thực hiện là rất nghiêm trọng, gây nguy hại rất lớn cho xã hội, tội phạm do bị cáo Trần Ngọc T thực hiện là nghiêm trọng, gây nguy hại lớn cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất gây nghiện của Nhà nước, gây mất trật tự an ninh tại địa phương. Bản thân các bị cáo là người nghiện ma túy, biết

rõ tác hại của ma túy sẽ gây hiểm họa mắc nhiều căn bệnh nguy hiểm, là mầm mống của nhiều loại tội phạm khác nhưng vẫn tàng trữ để sử dụng. Cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Trong vụ án bị cáo D và T đều là người trực tiếp thực hiện hành vi tàng trữ ma túy riêng lẻ nên không có tính chất đồng phạm.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[7] Về nhân thân: Bản thân các bị cáo là người không có nghề nghiệp, chưa có tiền án, tiền sự, gia đình hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có con còn nhỏ.

[8] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Đối với người đàn ông tên Hùng mua ma túy cho bị cáo D và L bán ma túy cho bị cáo T, hiện chưa rõ nhân thân lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã D tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau là đúng quy định của pháp luật.

Xét 02 bì thư niêm phong số 415/PC54 và 416/PC54 bên trong chứa ma túy loại Methamphetamine trọng lượng sau giám định 20.0525 gam và 1.0559 gam, thuộc chất Nhà nước cấm lưu hành, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với các bị cáo và các vấn đề khác liên quan trong vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Các bị cáo Trần Thị Ngọc D và Trần Ngọc T phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị Ngọc D và Trần Ngọc T phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc D 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12 tháng 9 năm 2017.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù từ tính ngày 12 tháng 9 năm 2017.

2. Xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 1, 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên tịch thu tiêu hủy 02 bì thư niêm phong số 415/PC54 và 416/PC54 bên trong chứa ma túy loại Methamphetamine trọng lượng sau giám định 20.0525g và 1.0559g.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/12/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã D, tỉnh B.

3. Án phí sơ thẩm:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Thị Ngọc D và Trần Ngọc T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- Công an thị xã Dĩ An;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng BC 81 CA tỉnh BD;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, HSVA, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngà